TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/DS - ST
Ngày: 05 - 02 - 2021.
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên, chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 567/2020/TLST- DS, ngày 30 tháng 7 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐST-DS, ngày 25tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: 264 G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn S. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là ông Nguyễn Đức V trình bày:

Do có sự quen biết với nhau từ trước nên bà T có cho bà Nguyễn Thị C vay tiền cụ thể như sau:

Vào ngày 26/10/2018 bà Nguyễn Thị C có đến vay tiền của bà T 40.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy viết tay do bà Nguyễn Thị C viết và ký tên người mượn, đồng thời ghi hẹn ngày 26 tháng 11 năm 2018 bà C sẽ trả số tiền vay này.

Đến ngày 07/11/2018 (Âm lịch) tức là ngày 13 tháng 12 năm 2018 dương lịch,bà T có cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 120.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy viết tay do bà C viết và ký tên dưới mục người mượn, đồng thời ghi hẹn đến ngày 07/12/2018 (Âm lịch) tức ngày 12/01/2019 dương lịch sẽ trả số tiền trên. Sau đó hai bên thống nhất ghi khoản vay 40.000.000 đồng ngày 26/10/2018 vào mặt sau của giấy vay 120.000.000 đồng để tiện theo dõi, bà C đồng ý và ghi nội dung khoản vay 40.000.000 đồng vào mặt sau tờ giấy vay 120.000.000 đồng. Sau đó bà T đã đưa tờ giấy vay 40.000.000 đồng ngày 26/10/2018 cho bà C cầm.

Ngày 30/5/2019 (Âm lịch) tức là ngày 02/7/2019 dương lịch, bà Nguyễn Thị C có đến vay của bà T số tiền 57.800.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy viết tay do chính bà Nguyễn Thị C viết và ký tên, đồng thời ghi hẹn ngày 30/10/2019 sẽ trả hết khoản nợ trên.

Ngày 30/8/2019 (Âm lịch) tức ngày 28/9/2019 dương lịch bà C có vay thêm của bà T 10.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy viết tay do bà Nguyễn Thị C viết và ghi hẹn đến ngày 15/10/2019 (Âm lịch) tức là ngày 11/11/2019 dương lịch sẽ trả hết số tiền trên.

Tổng tất cả các khoản tiền vay là 227.800.000 đồng, các khoản vay trên khi vay hai bên không ghi thỏa thuận lãi suất vào trong giấy vay mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ các khoản vay đã lâu, bà T đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị C vẫn chưa trả được cho bà Nguyễn Thị Thanh T khoản vay nào. Dó đó, bà Nguyễn Thị Thanh T làm đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số

tiền đã vay là:227.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng). Đối với ông Võ Văn S, theo nội dung đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T có yêu cầu ông Võ Văn S(Chồng bà Nguyễn Thị C) có trách nhiệm cùng bà Ctrả khoản tiền vay 227.800.000 đồng nhưng xét thấy ông S không ký vào các tờ giấy vay tiền cùng bà C, đồng thời ông S không biết bà Nguyễn Thị C vay tiền để làm gì nên bà Nguyễn Thị Thanh T xin rút phần nội dung khởi kiện về việc yêu cầu ông Võ Văn S có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị C trả số tiền trên.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu bà C phải trả lãi suất và không có yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất bà Nguyễn Thị Ctrình bày:

Đối với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện vợ chồng bà phải trả số tiền 227.800.000 đồng bà có ý kiến như sau:

Đối với khoản vay ngày 07/11/2018 vay 120.000.000 đồng do bà viết ra, hẹn trả ngày 07/12/2018 (Âm lịch), khoản vay này bà đã trả cho bà T được 20.000.000 đồng, trả ngày nào bà không nhớ vì không có ghi giấy;

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng ngày 26/10/2018, bà cho rằng bà đã trả được 10.000.000 đồng, trả ngày nào bà không ghi giấy nên không nhớ;

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 30/8/2019, hẹn ngày 15/10/2019 sẽ trả, giấy vay này do bà viết ra, đối với khoản vay này chưa trả;

Như vậy, về số nợ gốc, bà C khẳng định bà chỉ nợ bà T số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Đối với giấy nợ ngày 30/5/2019 âm lịch, khoản vay 57.800.000 đồng, hẹn 30/10/2019 trả, bà C cho rằng đây là khoản tiền lãi của khoản vay 120.000.000 đồng ngày 07/11/2018 và 40.000.000 đồng vay ngày 26/10/2018, do bà C chưa trả được số tiền lãi của hai khoản vay này là 57.800.000 đồng nên bà T yêu cầu bà C ghi giấy nợ riếng đối với số tiền lãi 57.800.000 đồng này ra một giấy nợ riêng. Đối với khoản tiền này bà C yêu cầu bà Tthỏa thuận lại và bớt cho bà C vì bà T đã lấy lãi của bà C nhiều lần rồi.

Quá trình tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, bà Nguyễn Thị C trình bày: Tôi và bà T có lập giấy vay tiền nhiều lần nhưng giữa tôi và bà T có chốt các khoản vay và ghi ra

một tờ giấy, thể hiện tôi nợ bà T 160.000.000 đồng, ngoài ra không còn giấy vay nào khác. Tôi đã trả được cho bà T 30.000.000 đồng, tôi chỉ còn nợ lại bà T 130.000.000 đồng. Đối với khoản lãi suất 57.800.000 đồng, tôi không đồng ý trả vì bà T đã lấy lãi của tôi nhiều lần rồi,đây không phải là khoản vay gốc. Tôi chỉ đồng ý trả lại cho bà T 130.000.000 đồng.Trong đó, khoản vay 120.000.000 đồng tôi còn nợ 100.000.000 đồng, khoản vay 40.000.000 đồng tôi còn nợ lại 30.000.000 đồng. Ngoài ra tôi không nợ khoản vay nào nữa.

Đối với chồng tôi là ông Võ Văn S, do ông S không vay tiền và cũng không biết việc tôi vay tiền nên ông S không có nghĩa vụ phải cùng tôi trả tiền cho bà T.

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự của Tòa áncho ông Võ Văn Sđến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S chỉ lên Tòa án lập bản tự khai và cho rằng ông không liên quan gì đến việc vay mượn giữa bà T và vợ của ông nên ông không có trách nhiệm trả nợ và đề nghị Tòa án không triệu tập ông lên Tòa án làm việc.Do đó, ông S không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được tống đạt thông báo hợp lệ.

Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt ông Võ Văn S. Căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là ông Nguyễn Đức Vđề nghị HĐXX tuyên buộc bà Nguyễn Thị Cphải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay gốc là 227.800.000 đồng(Hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T rút một phần nội dung đơn khởi kiện đối với yêu cầu ông Võ Văn S phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị C trả số tiền227.800.000 đồng.

Về tiền lãi suất,bà Nguyễn Thị Thanh Trút một phần nội dung đơn khởi kiện, theo đó không yêu cầu tính lãi suất của khoản vay nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C mặc dù được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòanhưngbà Nguyễn Thị Ckhông lên tòa để tham gia phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72, 73 Điều 227 BLTTDS;

Về nội dung đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244của Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Áp dụng Điều 429, Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cphải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Tsố tiền vay gốc 227.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc buộc bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn S phải trả phần lãi suất của số tiền vay gốc 227.800.000 đồng.Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Võ Văn S phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị C trả số nợ gốc 227.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn F, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú hiện nay: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền đã vay là: 227.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) trong đó bao gồm các khoản vay:

+ Khoản vay 40.000.000 đồng,bà C vay của bà T ngày 26/10/2018;

+ Khoản vay 120.000.000 đồng,bà C vay của bà T ngày 07/11/2018;

+ Khoản vay 57.800.000 đồng,bà C vay của bà T ngày 30/5/2019;

+ Khoản vay 10.000.000 đồng,bà C vay của bà T ngày 30/8/2019.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ là các giấy nợ lập vào các ngày 26/10/2018; 07/11/2018; 30/5/2019; 30/8/2019 mà bà Nguyễn Thị Thanh T cung cấp cho Tòa án thì thấy: Người ký tên nhận nợ các khoản nợ là bà Nguyễn Thị C, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bà Nguyễn Thị C thừa nhận bà là người tự tay viết giấy nhận nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T và do bà Nguyễn Thị C ký tên, như vậy, hợp đồng dân sự giữa các bên đều được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật.

Theo như thỏa thuận trong các giấy nhận nợ thì thời hạn trả nợ đối với các khoản vay cụ thể như sau:

+ Khoản vay 40.000.000 đồng ngày 26/10/2018 bà C có trách nhiệm trả cho bà T vào ngày 26 tháng 11 năm 2018;

+ Khoản vay 120.000.000 đồng, ngày 07/11/2018 bà C có trách nhiệm trả cho bà Tvào ngày 07/12/2018;

+ Khoản vay 57.800.000 đồng, ngày 30/5/2019bà C có trách nhiệm trả cho bà Tvào ngày 30/10/2019;

+ Khoản vay 10.000.000 đồng, ngày 30/8/2019bà C có trách nhiệm trả cho bà Tvào ngày15/10/2019 sẽ trả hết số tiền trên.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà Nguyễn Thị C vẫn chưa trả khoản vay nào cho bà T là vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị C ngày 31 tháng 8 năm 2020 (Bút lục số 26), bà C trình bày:

Đối với khoản vay 120.000.000 đồng, ngày 07/11/2018, tờ giấy vay do

chính bà C viết ra và hẹn trả ngày 07/12/2018 âm lịch. Đối với khoản vay 120.000.000 đồng nay bà C đã trả được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trả ngày nào bà C không nhớ, khi trả cũng không có viết giấy trả; Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, ngày 26/10/2018 bà C cho rằng bà đã trả được 10.000.000 đồng, tuy nhiên trả ngày nào bà C không nhớ, khi trả cũng không có viết giấy gì. Như vậy, bà Nguyễn Thị Ckhẳng định bà đã trả được cho bà T 30.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T không thừa nhận, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà C không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã trả được cho bà T 30.000.000 đồng tiền vay gốc như bà C trình bày, do đó HĐXX xét thấy không đủ cơ sở để khẳng định bà Nguyễn Thị C đã trả được cho bà T số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với giấy nợ ngày 30/5/2019 âm lịch, khoản vay 57.800.000 đồng hẹn 30/10/2019 trả, bà Nguyễn Thị C cho rằng đây là tiền lãi suất của hai khoản vay 120.000.000 đồng và 40.000.000 đồng, vì lí do bà C chưa trả lãi cho bà T nên bà T yêu cầu bà C ghi ra tờ giấy riêng như vậy, do đó đây là tiền lãi chứ không phải khoản vay gốc, bà C cho rằng bà T đã lấy lãi của bà C nhiều rồi nên bà C không đồng ý trả số tiền này, hiện gia đình bà C khó khăn nên bà C không đồng ý trả bà T khoản nợ này. Đối với phần trình bày này của bà Nguyễn Thị C là mâu thuẫn với lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, vì bà T cho rằng đây là khoản vay gốc. Do các bên đương sự có lời khai mâu thuẫn với nhau nên Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các bên đương sự để làm rõ khoản tiền 57.800.000 đồng này là số tiền vay gốc hay tiền lãi như bà C trình bày nhưng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị C vẫn không có thống nhất. Căn cứ vào nội dung tờ giấy nợ 57.800.000 đồng ngày 30/5/2019 âm lịch do chính bà C viết có nội dung thể hiện: Vui có mượn của bà T số tiền 57.800.000 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) ký ghi họ tênNguyễn Thị C, nội dung giấy nợ này còn thể hiện ngày mượn là 30/5/2019 âm lịch, đến 30/10/2019 trả, ngoài ra không thể hiện nội dung gì thêm và cũng không thể hiện đây là khoản lãi suất của khoản vay khác như bà Nguyễn Thị C trình bày.Như vậy, căn cứ vào nội dungtờ giấy nợ số tiền 57.800.000 đồng ngày 30/5/2019 (âm lịch), HĐXX nhận định đây là khoản vay gốc, không phải là khoản lãi suất của các khoản nợ khác như bà Nguyễn Thị C đã trình bày.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 30/8/2019 âm lịch, hẹn ngày trả 15/10/2019 trả, khoản vay này theo như bản tự khai của bà C thì bà C đã thừa nhận bà là người viết giấy nợ và chưa trả khoản nợ này theo như trong nội dung thỏa thuận.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự, việc bà Nguyễn Thị C cho rằng bà chỉ nợ bà T số tiền vay gốc tổng cộng là 170.000.000 đồng, bà đã trả được 30.000.000 đồngnênbà Cchỉ còn nợ bà T tiền vay gốc là 140.000.000 đồng là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T cho rằng ông Võ Văn S là chồng của bà Nguyễn Thị Cnên yêu cầu ông S có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà C. Về vấn đề này, HĐXX xét thấy ngày 24 tháng 12 năm 2020 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp đơn xin rút một phần nội dung đơn khởi kiện theo đó bà Nguyễn Thị Thanh T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị C thanh toán số tiền 227.800.000 đồng, không yêu cầu ông Võ Văn S phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền trên.Xét thấy việc thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện này là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ giải quyết một phần nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với yêu cầu ông Võ Văn S phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Cthanh toán số tiền 227.800.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về lãi suất: Quá trình nộp đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án tính lãi suất, tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/11/2020, bà Nguyễn Thị Thanh T đã thay đổi nội dung khởi kiệnvà không yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả khoản lãi suất của các khoản vay, do đó HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Thanh T.

[4]Về án phí: HĐXX tuyên buộc bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền 227.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng), do vậy số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà C phải chịu là 11.390.000 đồng(Theo mức: 227.800.000đ x 5% = 11.390.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 244; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay còn nợ là 227.800.000đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ giải quyết một phần nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn S phải trả phần lãi suất của số tiền vay gốc 227.800.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết một phần nội dung đơn khởi kiện đối với yêu cầu ông Võ Văn S phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị C trả số nợ gốc 227.800.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 11.390.000 đồng (Mười một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 5.695.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0014433 ngày 30/7/2020.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơnđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lữ Đình Tính